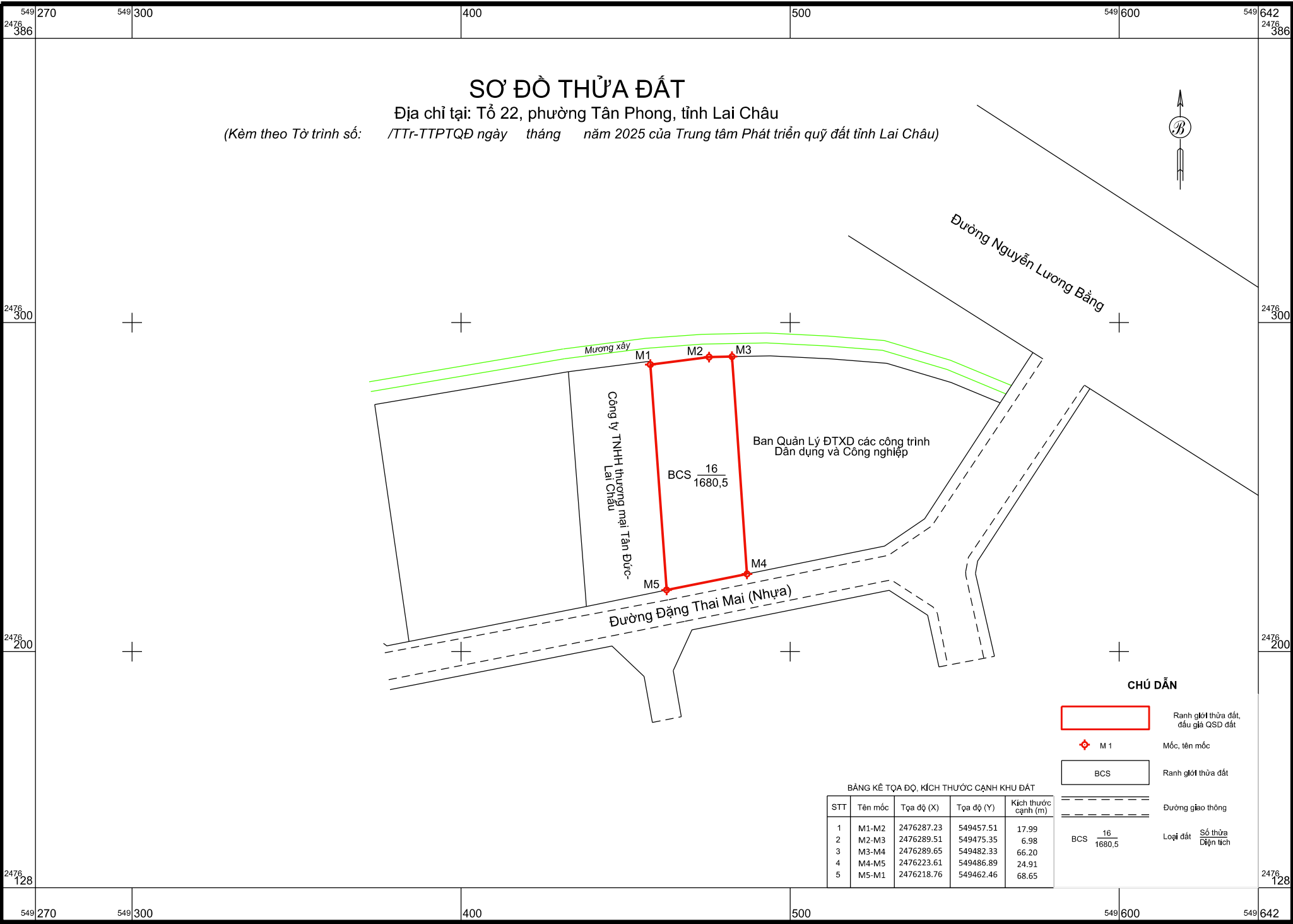




CHÚ DẪN

- Ranh giới thửa đất, đầu giả QSD đất
- M 1 Mốc, tên mốc
- BCS Ranh giới thửa đất
- Đường giao thông
- Loại đất Số thửa Diện tích

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ, KÍCH THƯỚC CẠNH KHU ĐẤT

STT	Tên mốc	Tọa độ (X)	Tọa độ (Y)	Kích thước cạnh (m)
1	M1-M2	2476287.23	549457.51	17.99
2	M2-M3	2476289.51	549475.35	6.98
3	M3-M4	2476289.65	549482.33	66.20
4	M4-M5	2476223.61	549486.89	24.91
5	M5-M1	2476218.76	549462.46	68.65